BỘ Y TẾ
VIỆN SỐT RÉT - KST - CT
TP. HỒ CHÍ MINH
Số: 29 /BC-VSR

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 12 THÁNG NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2016

PHẦN 1
KẾT QUẢ CÔNG TÁC 12 THÁNG NĂM 2015

1. NHÂN LỰC

1.1. Tổng số biên chế

Tổng số CBVC-NLĐ có đến 31/12/2015 là: 101 CBVC (Nam: 43, Nữ: 58), biên chế: 62 (Viên chức: 59, Công chức: 03), Hợp đồng theo Nghị định 68: 10) HĐLĐ: 29.

Trong đó:

+ Trên đại học: 18 (Tiến sĩ: 02; Thạc sĩ: 14; BS CK II: 01; BS CK I: 01).

+ Đại học, cao đẳng: 48 (Đại học: 46; Cao đẳng: 02)

+ Trung học: 24; Sơ cấp: 01

+ Nhân viên khác: 10

Trình độ chính trị: Cao cấp: 03, Trung cấp: 06, Quản lý Nhà nước: 35 (Chuyên viên chính: 02, chuyên viên: 33).

1.2. Cơ cấu tổ chức: Viện có 11 khoa, phòng, trung tâm gồm:

1/ Khoa Dịch tễ

2/ Khoa Ký sinh trùng

3/ Khoa Côn trùng

4/ Khoa Nuôi cấy - Miễn dịch

5/ Phòng Khám bệnh chuyên khoa Ký sinh trùng

6/ Phòng Truyền thông - Công nghệ thông tin

7/ Phòng Quản lý khoa học - Đào tạo

8/ Trung tâm Dịch vụ khoa học kỹ thuật

9/ Phòng Kế hoạch - Vật tư - Tổng hợp

10/ Phòng Tài chính - Kế toán

11/ Phòng Tổ chức - Hành chính

Bảng 2. Kết quả phòng chống sốt rét toàn khu vực năm 2015 so với 2014

TT	Các chỉ số	Năm 2015	Năm 2014	So sánh	
				% Tăng	% Giảm
1	Tổng số lam xét nghiệm	713.623	773.187		7,70
2	Tổng số KST (+)	2.339	2.478		5,61
3	Tỷ lệ % KST (+)/ lam XN	0,33	0,32	3,13	
4	Tổng số *P. falciparum*	1.192	1.149	3,74	
5	Tỷ lệ % *P. falciparum*/KST (+)	50,96	46,37	9,90	
6	Tổng số bệnh nhân sốt rét	2.696	2.947		8,52
7	BNSR/1000 dân	0,08	0,085		7,11
8	Tổng số bệnh nhân SRAT	16	29		44,83
9	Tỷ lệ % SRAT/BNSR	0,593	0,47	26,54	
10	Tổng số tử vong do SR	1	3		2
11	Tỷ lệ % tử vong / SRAT	6,25	6,8		8,09
12	Tỷ lệ tử vong / 100.000 dân	0,0019	0,0058		67,24
13	Dịch sốt rét	không	không		
14	Tổng số lượt người điều trị	9.000	12.049		25,31
15	Tổng số lượt người bảo vệ	617.443	366.594	68,43	
16	Huấn luyện chuyên khoa sốt rét	4.662	5.468		14,74

- *Về tử vong do sốt rét* (Bảng 2, Phụ lục 3):

Trong năm 2015 toàn khu vực có 01 bệnh nhân tử vong do sốt rét (Bình Phước), giảm 02 ca so với cùng kỳ năm 2014.

- *Về dịch sốt rét*:

Không có dịch sốt rét xảy ra trong khu vực NB-LĐ trong năm 2015, tuy nhiên hiện nay vẫn tồn tại các điểm sốt rét dai dẳng: xã Đắk Ơ, Bù Gia Mập, Đắk Nhau (Bình Phước).

- *Về công tác phun tẩm* (Bảng 2, Phụ lục 2):

Năm 2015, khu vực có 11/20 tỉnh có kế hoạch phun tẩm, các tỉnh đã đạt và vượt kế hoạch từ 114% - 315%, toàn khu vực đã thực hiện vượt chỉ tiêu đề ra, vượt 37,18% so với kế hoạch, bảo vệ được 617.443 người dân (Phụ lục 2).

Trong năm, Viện đã hỗ trợ hóa chất diệt muỗi sốt rét và chỉ đạo triển khai các biện pháp phòng chống bằng phun, tẩm màn ở các địa phương có tình hình sốt rét không ổn định như Lâm Đồng, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bạc Liêu, Cà Mau.

- Chỉ đạo và thực hiện xây dựng kế hoạch phòng chống sốt rét sát với thực tế, tiết kiệm, hiệu quả; cấp đủ kế hoạch hóa chất, thuốc sốt rét và các vật tư PCSR cho các tỉnh.

2. Công tác phòng chống giun sán

2.1. Công tác chỉ đạo, giám sát

Năm 2015, các địa phương (xã, trường học, huyện, tỉnh) đã chủ động xây dựng kế hoạch PCGS phù hợp với điều kiện của địa phương, trong đó tập trung chủ yếu vào truyền thông và tẩy giun cho các đối tượng có tỷ lệ và nguy cơ nhiễm cao như: trẻ em từ 24 - 60 tháng tuổi, học sinh tiểu học, phụ nữ lứa tuổi sinh sản…

Tổ chức thực hiện 30 đợt giám sát về công tác tẩy giun cho học sinh tiểu học, phụ nữ lứa tuổi sinh sản và truyền thông phòng chống giun, sán tại 19 tỉnh thành khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng. Về phương diện tổ chức, kết quả giám sát cho thấy tình hình chung giáo viên và cán bộ y tế tại địa phương đã được tập huấn cẩn thận, khâu chuẩn bị chu đáo giúp cho việc tổ chức tẩy giun diễn ra thuận lợi, đúng tiến độ và đạt chất lượng cao.

Năm 2015, Viện đã triển khai thực hiện đề tài "Đánh giá thực trạng nhiễm giun, sán tại các tỉnh Cà Mau, Tây Ninh và Bà Rịa - Vũng Tàu" nhằm tiến tới mục tiêu điều tra toàn diện về tình hình nhiễm giun, sán ở khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng.

2.2. Hoạt động tẩy giun

Từ nguồn tài trợ của Tổ chức Y tế thế giới trong chương trình Phòng chống các bệnh giun sán, Viện Sốt rét - KST - CT TP Hồ Chí Minh đã phối hợp với TTYTDP, TTPCSR các tỉnh: Lâm Đồng, Tây Ninh, Bình Phước, Kiên Giang, Bến Tre , Đồng Nai triển khai tẩy giun cho học sinh tiểu học và phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ, đồng thời thực hiện giám sát chương trình này. Ngoài ra, Ngân hàng phát triển Châu Á và Tổ chức Y tế thế giới cũng tài trợ chương trình tẩy giun cho trẻ em 24 - 60 tháng tuổi thuộc Dự án phòng chống các bệnh truyền nhiễm khu vực Tiểu vùng sông Mêkông. Khu vực Nam bộ - Lâm Đồng có 7 tỉnh thành được thụ hưởng dự án này gồm: Tây Ninh, An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Trà Vinh và Đồng Tháp.

2.2.1. Kết quả thực hiện tẩy giun cho trẻ từ 24-60 tháng tuổi

Bảng 4. Kết quả tẩy giun cho cho trẻ từ 24-60 tháng tuổi năm 2015

STT	Tỉnh	Số trẻ em	Số trẻ em được uống thuốc	Tỷ lệ %
1	Bình Phước	63.123	58.815	93,17%
2	Bạc Liêu	1.179	878	75,45%
	Tổng cộng	**64.302**	**59.693**	**92,83**

Triển khai tẩy giun cho trẻ từ 24-60 tháng tuổi tại 2 tỉnh Bình Phước và Bạc Liêu, tỷ lệ trẻ em được uống thuốc tẩy giun đạt 92,83% so với kế hoạch (59.693/64.302).

2.2.2. Kết quả thực hiện tẩy giun học sinh tiểu học

Bảng 5. Kết quả tẩy giun cho học sinh tiểu học ở một số tỉnh NB - LĐ năm 2015

STT	Tỉnh	Số trẻ em	Số trẻ em được uống thuốc	Tỷ lệ %
1	Bình Phước	94.971	92.359	97,25
2	Bạc Liêu	3.660	2.906	79,40
3	Lâm Đồng	116.518	115.226	98,89
4	Tây Ninh	99.800	99.102	99,30
5	Tiền Giang	9.071	9.071	100,00
6	Sóc Trăng	3.834	3.834	100,00
	Tổng cộng	**327.854**	**322.498**	**98,37**

Nhận xét:

- Công tác tổ chức tẩy giun cho học sinh tiểu học được thực hiện tốt do các cán bộ y tế, giáo viên được tập huấn.

- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa y tế và giáo dục, đồng thời được sự ủng hộ của phụ huynh học sinh, chính quyền địa phương.

2.2.3. Kết quả tẩy giun cho phụ nữ lứa tuổi sinh sản tại Bình Phước, Tây Ninh

Bảng 6. Kết quả tẩy giun cho phụ nữ lứa tuổi sinh sản tại Bình Phước, Tây Ninh 2015

STT	Tỉnh	Số phụ nữ tuổi sinh sản	Số được uống thuốc	Tỷ lệ %
1	Tây Ninh	312.266	365.426	85,2%
2	Bình Phước	225.297	212.680	94,4%

Nhận xét:

Công tác tẩy giun nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của cộng đồng cũng như các cấp chính quyền và ban ngành, đoàn thể, vì vậy kết quả thực hiện luôn đạt từ 98% - 100%, đối với học sinh tiểu học và 85% - 94% đối với phụ nữ lứa tuổi sinh sản. Đặc biệt, hoạt động này đã thu hút sự quan tâm đến công tác phòng chống giun sán của cộng đồng cũng như các cấp chính quyền và ban ngành, đoàn thể.

2.3. Công tác tập huấn

Năm 2015, với sự hỗ trợ của Viện Sốt rét - KST - CT TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh thuộc dự án đã triển khai các lớp tập huấn tại địa phương nhằm trang bị các kiến thức cần thiết về giun sán và phòng chống giun sán cho đối tượng là giáo viên, cán bộ y tế tuyến địa phương.

Công tác tập huấn và giám sát cũng được Viện đẩy mạnh nhằm giúp đỡ, củng cố và tăng cường năng lực quản lý của địa phương cũng như thực hiện vai trò là cơ quan đầu ngành trong lĩnh vực ký sinh trùng của khu vực. Viện đã tổ chức 02 lớp tập

huấn về Kỹ năng truyền thông phòng chống giun sán cho 70 cán bộ y tế và giáo viên một số trường tiểu học của 20 tỉnh thành khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng.

2.4. Công tác truyền thông phòng chống giun sán

Năm 2015, công tác truyền thông tiếp tục được đẩy mạnh, phối hợp nhịp nhàng giữa Viện và các tỉnh trong khu vực. Viện hướng các hoạt động truyền thông, tuyên truyền phòng chống giun sán nhằm kêu gọi sự quan tâm góp sức từ phía cộng đồng. Đây là hoạt động có tính bền vững, mang tầm nhìn chiến lược trong công tác phòng chống giun sán ở khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng. Năm 2015, Viện đã cấp tổng cộng : 2000 tranh treo tường, 2.000 đĩa phát thanh, 2.000 đĩa hình cho 20 tỉnh thành trong khu vực. Ngoài ra còn tổ chức phát thanh phòng chống giun sán tại nhà trường và cộng đồng ở 144 xã, phường thuộc các tỉnh, thành trong khu vực.

Hiệu quả của các loại hình truyền thông, phụ thuộc vào trình độ nhận thức, điều kiện kinh tế của cộng đồng, kinh phí đầu tư ban đầu và một số các yếu tố khác. Để có được hiệu quả lâu dài của hoạt động truyền thông phù hợp với từng địa phương (điều kiện kinh tế, trình độ dân trí, phong tục tập quán, thành phần dân tộc…) các loại hình truyền thông phải đa dạng, tác động lên nhiều đối tượng, đặc biệt gây được sự chú ý, quan tâm của chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể, phụ huynh học sinh, ...

3. Công tác phòng chống sốt xuất huyết

3.1. Hoạt động giám sát chỉ đạo tuyến

- Viện đã chỉ đạo và thực hiện các biện pháp tăng cường giám sát côn trùng truyền bệnh sốt xuất huyết (SXH), tập trung giám sát, kiểm tra các địa phương có nguy cơ mắc cao, tập trung tại các khu công nghiệp, khu đô thị, trường học và khu dân cư.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động phòng chống dịch và giám sát véc tơ tại các tỉnh/thành như: Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Dương và TP. Hồ Chí Minh, Bình Phước.

- Tổ chức 6 đợt giám sát hỗ trợ phòng chống dịch tại các điểm nóng nguy cơ khu vực phía Nam gồm: An Giang (TP. Long Xuyên), Long An (Tân Trụ, Cần Giuộc), Tây Ninh (TP. Tây Ninh), Sóc Trăng (TX. Vĩnh Châu), Đồng Nai (TP. Biên Hòa), Bình Dương (TX. Bến Cát).

- Tổ chức phối hợp các đơn vị TTGDSK Trung Ương, Bệnh viện Nhiệt Đới giám sát, kiểm tra và hướng dẫn các địa phương về công tác giám sát, phát hiện, xử lý ổ dịch; các biện pháp dự phòng và phác đồ điều trị bệnh SXH; bảo đảm đủ phương tiện, vật tư, trang thiết bị, sẵn sàng công tác phòng chống dịch, truyền thông và điều trị SXHD.

- Đánh giá sự nhạy kháng hóa chất của muỗi truyền bệnh SXH một số tỉnh trong khu vực.

- Chỉ đạo địa phương tổng hợp, báo cáo kịp thời tình hình SXH tại địa phương.

- Phối hợp cùng các viện tham gia tuyên truyền vận động phòng chống SXH nhân ngày phòng, chống SXH của các nước khu vực ASEAN.

- Chỉ đạo địa phương thực hiện tốt các hoạt động phòng chống sốt xuất huyết, thực hiện chiến dịch diệt lăng quăng và vệ sinh môi trường. Qua các đợt giám sát nhìn chung các tỉnh đã triển khai hoạt động dự án ngay từ những tháng đầu năm 2015 và hoàn thành kế hoạch của năm.

3.2. Tình hình giám sát côn trùng

3.2.1. Kết quả giám sát véc tơ và xử lý ổ dịch

3.2.1.1. Kết quả giám sát của Viện Sốt rét - KST - CT TP.HCM

- Chỉ số mật độ muỗi (DI): 2/19 điểm (chiếm 10,5%) có chỉ số DI >1(con/nhà) (thị trấn Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh và Phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

Biểu đồ 1. Chỉ số mật độ muỗi (DI) Aedes aegypty tại các điểm giám sát

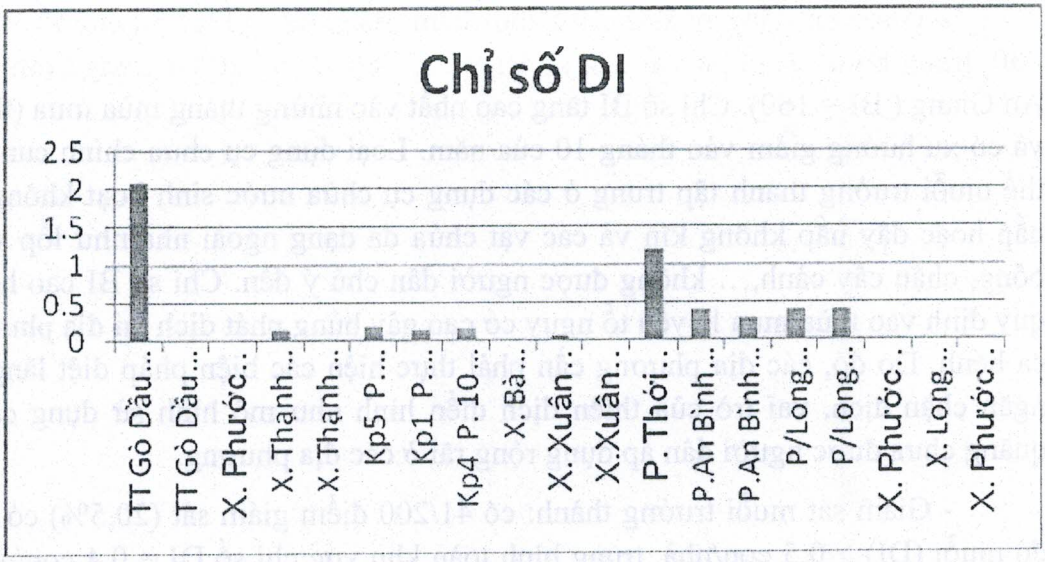

- Chỉ số *Breteau* (BI): 2/19 điểm (chiếm 10,5 %) tỉnh có chỉ số BI ≥ 30 (Phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh). Chỉ số BI có chiều hướng gia tăng vào những tháng mùa mưa.

Biểu đồ 2. Chỉ số Breteau(BI) tại các điểm giám sát

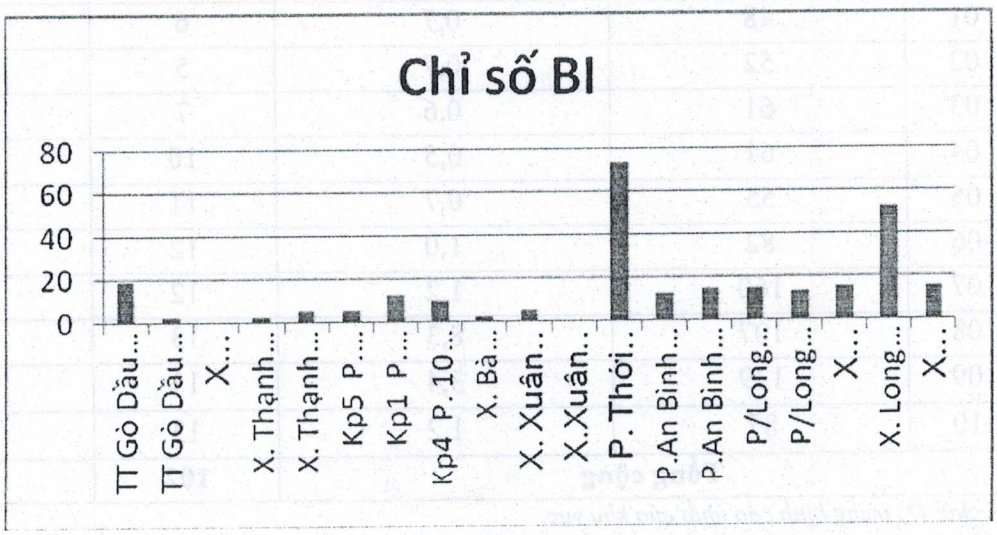

- Khảo sát véc tơ SXH tại 04 công ty tại 02 khu công nghiệp Amata và Biên Hòa I, tỉnh Đồng Nai và 05 công ty thuộc khu công nghiệp Mỹ Phước III, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương cho thấy: có 44,4% (4/9) số đơn vị được khảo sát có sự hiện diện lăng quăng và muỗi trưởng thành Aedes, thành phần loài thu thập chủ yếu là *Aedes albopictus*, dụng cụ có lăng quăng bao gồm dụng cụ phế thải, các thùng chứa nguyên vật liệu để ngoài trời, các bể chứa nước không che đậy.

3.2.1.1. Kết quả giám sát của địa phương

- Năm 2015 các địa phương đã chủ động triển khai trong công tác giám sát véc tơ và xử lý ổ dịch ngay từ những tháng đầu năm. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số địa phương thực hiện giám sát véc tơ chưa triệt để và chưa tuân thủ quy trình (kiểm soát lăng quăng chưa triệt để ở nơi xử lý ổ dịch và điểm làm dụng cụ diệt lăng quăng, xử lý ổ dịch không đủ bán kính).

- Giám sát lăng quăng: 102/200 điểm giám sát (51%) có chỉ số Breteau (BI) ≥30, trung bình toàn khu vực chỉ số BI = 36, tỉnh có chỉ số BI trung bình cao nhất là An Giang (BI = 160). Chỉ số BI tăng cao nhất vào những tháng mùa mưa (tháng 7,8,9) và có xu hướng giảm vào tháng 10 của năm. Loại dụng cụ chứa chính cung cấp quần thể muỗi trưởng thành tập trung ở các dụng cụ chứa nước sinh hoạt không được đậy nắp hoặc đậy nắp không kín và các vật chứa đa dạng ngoài nhà như lốp vỏ xe, bình bông, chậu cây cảnh,… không được người dân chú ý đến. Chỉ số BI cao hơn ngưỡng quy định vào mùa mưa là yếu tố nguy cơ cao gây bùng phát dịch tại địa phương nếu có ca bệnh. Do đó, các địa phương cần phải thực hiện các biện pháp diệt lăng quăng để ngăn chặn dịch, vai trò của thiên địch điển hình như mô hình sử dụng cá diệt lăng quăng chưa được người dân áp dụng rộng rãi ở các địa phương.

- Giám sát muỗi trưởng thành: có 41/200 điểm giám sát (20,5%) có chỉ số mật độ muỗi (DI) ≥ 0,5 con/nhà, trung bình toàn khu vực chỉ số DI = 0,4 con/nhà, tỉnh có chỉ số DI trung bình cao nhất là Tây Ninh (DI = 8,3).

Bảng 4. Tổng hợp số liệu các chỉ số trung bình của muỗi và lăng quăng SXH khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng năm 2015

Tháng	Chỉ số Breteau (BI)*	Chỉ số mật độ muỗi DI (con/nhà)*	Số điểm BI ≥ 30	Số điểm DI ≥ 0,5
01	48	0,7	6	4
02	52	0,7	5	3
03	61	0,6	7	1
04	61	0,5	10	1
05	55	0,7	11	5
06	82	1,0	12	5
07	160	1,2	12	5
08	107	8,3	13	5
09	139	3,4	13	6
10	87	1,2	13	6
Tổng cộng			**102**	**41**

Ghi chú: (*) trung bình cao nhất của khu vực.

3.2.2. Giám sát độ nhạy cảm và thử sinh học của muỗi Aedes aegypty đối với các hóa chất diệt côn trùng

- Kết quả 15 mẫu thử nghiệm hầu hết muỗi *Aedes aegypty* có thể kháng và kháng với giấy tẩm Deltamethrin 0,05%, Permethrin 0,75% & Alphacypermethrin 0,05%, Cyfluthrin 0,15%. Với kết quả thử nhạy cảm của muỗi đối với hóa chất trên giấy thử, không phản ánh đúng thực tế khi nồng độ hóa chất trên giấy thử thấp hơn nhiều so với nồng độ hóa chất sử dụng trong cộng đồng.

+ Hóa chất Permethrin 50EC phun trong nhà ở thực địa hẹp với liều pha 1:9 có tác dụng diệt muỗi tốt đối với chủng muỗi *Aedes aegypty* tại quận 8 TP. Hồ Chí Minh, phường Thới Hòa, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

+ Hóa chất Deltamethrin 2,5w/v (Agrodelta 2,5NE) phun trong nhà ở thực địa hẹp với liều pha 1:25 có tác dụng diệt tốt đối với chủng muỗi *Aedes aegypty* tại xã Mỹ Hòa Hưng, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang, đối với chủng muỗi *Aedes aegypty* tại phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tác dụng diệt muỗi trung bình.

+ Hóa chất Hantox - 200 (Deltamethrin 3EW) phun trong nhà ở thực địa hẹp với liều pha 1:13 có tác dụng diệt muỗi tốt đối với chủng muỗi *Aedes aegypty* tại khu phố Phú Thạnh, phường Tân Phú, TX Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

+ Đa số các loại hóa chất thuộc nhóm Pyrethroids vẫn còn có hiệu lực diệt tốt đối với muỗi *Aedes aegypty* thử nghiệm ở thực địa. Cần phải thực hiện nhiều thử nghiệm hơn nữa mới có đánh giá về hiệu lực của hóa chất trong phòng chống véc tơ.

- Qua giám sát công tác sử dụng hóa chất phun diệt muỗi phòng chống sốt xuất huyết tại các địa phương đều tuân thủ theo hướng dẫn pha của nhà sản xuất trên nhãn chai. Do tình hình dịch sốt xuất huyết gia tăng nên một số tỉnh không đủ cơ số hóa chất phun các tỉnh đã chủ động mua hóa chất và xin cấp hỗ trợ thêm như tỉnh Tây Ninh, Sóc Trăng, An Giang, Bình Dương, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh,…

3.3. Hội nghị, tập huấn

- Tham dự hội nghị tổng kết công tác phòng chống sốt xuất huyết năm 2014 và triển khai kế hoạch năm 2015.

- Tham dự Hội thảo "Định hướng nghiên cứu sốt xuất huyết trong bối cảnh thích ứng với biến đổi khí hậu" được tổ chức tại Viện Pasteur TP. HCM.

- Tổ chức 03 lớp tập huấn "Giám sát côn trùng và phòng chống véc tơ sốt xuất huyết" cho cán bộ y tế làm công tác phòng chống sốt xuất tuyến tỉnh, huyến huyện, tuyến xã tại tỉnh Đồng Nai và Bình Dương. Tổng số học viên tham dự 160 học viên.

- Tổ chức 01 lớp tập huấn "Kỹ năng phát hiện và xử lý ổ bọ gậy cho mạng lưới cộng tác viên" cho cộng tác viên của thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Tổng số học viên tham dự 60 học viên.

- Được sự hợp tác hỗ trợ kinh phí từ Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Viện đã Tổ chức 03 lớp tập huấn "Tăng cường kiểm soát véc tơ sốt xuất huyết tại các điểm nóng khu vực phía Nam" gồm 10 tỉnh (TP.HCM, BR-VT, Đồng Nai, Bình Dương, Long

An, Sóc Trăng,Tây Ninh, Tiền Giang, Đồng Tháp, An Giang) với 183 học viên làm công tác phòng, chống dịch sốt xuất huyết của địa phương.

3.4. Hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe

Chiến dịch diệt lăng quăng và hoạt động hưởng ứng ngày ASEAN phòng chống SXH cấp Quốc gia lần thứ V. Các địa phương đều đã triển khai với các hoạt động thực hiện lễ mít tinh tại các điểm nóng trên địa bàn kết hợp với chiến dịch diệt lăng quăng và vệ sinh môi trường.

4. Công tác ngoại ký sinh

- Viện đã tiến hành điều tra thành phần các loài ngoại ký sinh tại một số điểm trong khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng: thực hiện điều tra ve tại Q. 12, TP. HCM; điều tra bọ đầu đen tại Huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Phản hồi kết quả định danh côn trùng lạ cho các công ty, doanh nghiệp (Mọt bột đỏ, bọ cánh cứng,…).

- Tiếp tục điều tra, đánh giá thành phần phân bố các loài ngoại ký sinh nhằm đẩy mạnh công tác phòng chống các bệnh mới diễn biến ngày một đa dạng gây ra bởi các loài ngoại ký sinh. Thông qua các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về các bệnh do ngoại ký sinh gây ra nhằm kêu gọi sự quan tâm góp sức từ phía cộng đồng.

- Tổng hợp, thu thập và làm tiêu bản mẫu các loài ngoại ký sinh, thiết lập thư viện mẫu ngoại ký sinh phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy.

5. Công tác nghiên cứu khoa học

- Năm 2015, ở các địa phương không có đề tài được báo cáo, riêng ở Viện Sốt rét - KST - CT TP. HCM đã tổ chức thực hiện 15 đề tài nghiên cứu, trong đó có 01 đề tài cấp Bộ; 01 đề tài cấp thành phố; 08 đề tài cấp cơ sở; 01 đề tài hợp tác với Tổ chức Di trú Quốc tế - IOM; 03 đề tài hợp tác với Tổ chức Y tế thế giới-WHO; 01 đề tài hợp tác với Đại Học Y Dược TP.HCM. Ngoài ra Viện cũng đã gửi 05 đề cương nghiên cứu khoa học cho Tổ chức nghiên cứu bệnh nhiệt đới (TDR) và Tổ chức y tế thế giới khu vực Tây Thái Bình Dương (WPRO). Các đề tài NCKH về các lĩnh vực sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng, nuôi cấy, miễn dịch, ngoại ký sinh, sốt xuất huyết, đây đều là những vấn đề có tính thời sự, có ý nghĩa thiết thực phục vụ công tác chuyên môn, góp phần giải quyết các khó khăn đang gặp phải trong khu vực. Một số đề tài cấp Bộ và đề tài hợp tác tiêu biểu như sau:

+ Xác định thành phần loài, sự lưu hành tác nhân gây bệnh và đề xuất quy trình giám sát một số loài chân đốt y học ở khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng" từ tháng 6/2015. (Đề tài cấp Bộ).

+ Đánh giá hiệu lực phun tồn lưu trong phòng chống sốt xuất huyết chủ động tại huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang (Phối hợp với Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung Ương).

+ Phát hiện ca bệnh chủ động (ACD) tại cộng đồng nơi lưu hành sốt rét nặng tỉnh Bình Phước. Kinh phí được tài trợ từ Tổ Chức Y tế Thế giới (WHO).

- Viện đã tổ chức nghiệm thu được 09 đề tài cấp cơ sở, 01 đề tài cấp thành phố và tiếp tục tổ chức quản lý 01 đề tài NCKH phối hợp. Các đề tài nghiên cứu đều có ý nghĩa thiết thực, góp phần giải quyết các khó khăn đang gặp phải trong khu vực như: vấn đề sốt rét biên giới; sự lưu hành sốt rét dai dẳng ở một số điểm; tình hình ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc, tình hình nhiễm giun sán…

- Viện đang tiếp tục xây dựng đề án thư viện mẫu côn trùng, ký sinh trùng sốt rét để hệ thống lại thành phần loài hiện diện ở khu vực, phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học, đào tạo, đồng thời giúp cho việc đánh giá sự phân bố thành phần loài ở từng địa phương để theo dõi sự biến động quần thể xảy ra ở từng thời điểm theo thời gian, hoặc do sự biến đổi của môi trường.

- Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ hàng tháng nhằm trao đổi kiến thức, cập nhật và chia sẻ thông tin chuyên ngành cho đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học. Trong năm đã thực hiện được 08 buổi sinh hoạt khoa học với 14 nội dung, chủ đề khác nhau.

Tổng hợp và gửi bài báo khoa học và đăng tạp chí tại Hội nghị khoa học ký sinh trùng lần thứ nhất tháng 01/2015 tổ chức tại Viện Sốt rét - KST - CT TW (03 bài), Hội nghị khoa học YHDP toàn quốc năm 2015 do Hội YHDP Việt Nam tổ chức tháng 10/2015(01 bài), và Hội nghị ký sinh trùng toàn quốc lần thứ 43 tổ chức tháng 04/2016 tại Đại học Tây Nguyên (06 bài).

- Tiếp tục nuôi giữ chủng muỗi truyền bệnh sốt rét, sốt xuất huyết, nuôi giữ KST để phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học và thử nghiệm hóa chất, thử tồn lưu, thử nhạy cảm, khảo nghiệm hóa chất, giảng dạy…

- Nhằm nâng cao vị thế và tính pháp lý trong hoạt động nghiên cứu khoa học, Viện đã được cấp Giấy chứng nhận Tổ chức khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ. Xây dựng các biểu mẫu dùng nghiên cứu khoa học và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng KHKT Viện. Bên cạnh đó, Viện cũng đã trang bị rất nhiều máy móc, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho các kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu.

6. Công tác đào tạo, tập huấn

Năm 2015, Viện đã tổ chức Triển khai thực hiện 12 lớp tập huấn, đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ y tế các tỉnh thành khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng với 571 học viên. Nội dung tập huấn theo đúng chương trình, kế hoạch của các dự án. Đối tượng học viên là các cán bộ từ y tế thôn bản, quân y đồn biên phòng, đến các cán bộ chuyên trách về sốt rét, y dược tư nhân, …

Bảng 5. Kết quả đào tạo, tập huấn năm 2015

TT	Tên lớp	Năm 2015	
		Số lớp	Số HV
1. Dự án Phòng chống sốt rét			
1	Xét nghiệm KSTSR	01	37
2	Côn trùng SR sơ cấp	01	30

TT	Tên lớp	Năm 2015	
		Số lớp	Số HV
3	Điều trị và chẩn đoán sốt rét	01	25
2. Dự án Phòng chống sốt xuất huyết			
1	Giám sát côn trùng SXH	03	160
2	Kỹ năng phát hiện xử lý ổ lăng quăng	01	66
3	Nâng cao kỹ năng quản lý và kiểm tra vector SXH		
3. Dự án PCGS			
1	Truyền thông Phòng Chống giun sán	02	70
4. Các lớp tập huấn do Who tài trợ			
1	Tăng cường kiểm soát véc tơ và xử lý ổ dịch SXH tại các điểm nóng Khu vực phía Nam	03	183
Tổng cộng		**12**	**571**

- Ngoài ra, cán bộ Viện cũng tham gia giảng dạy các lớp hướng dẫn chẩn đoán, điều trị sốt rét cho cán bộ y tế tỉnh do địa phương tổ chức, tổ chức lớp tập huấn phân vùng dịch tễ sốt rét, giám sát trọng điểm sốt rét cho các cán bộ phụ trách chương trình PCSR.

- Cử cán bộ tham gia lớp tập huấn về hợp tác quốc tế do Vụ Hợp tác quốc tế tổ chức tại Quảng Bình.

- Tham gia giảng dạy tại Trường Đại học Y dược TP. HCM, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, …

- Tiếp tục đào tạo kỹ thuật viên xét nghiệm hệ chính quy 2 năm (Trường TCYT Đặng Văn Ngữ, cơ sở 2). Bước đầu đã đạt được những thành tích tích cực trong công tác giảng dạy, hoàn thành 2 khóa học và chuẩn bị kết thúc khóa thứ 3, tiếp tục tuyển sinh và đào tạo khóa thứ 5 theo chỉ tiêu đã được duyệt.

7. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe

- Chỉ đạo các địa phương trong khu vực tổ chức ngày thế giới phòng chống sốt rét 25/4, nhiều đơn vị đã hưởng ứng và triển khai có hiệu quả.

- Phối hợp với các báo, đài địa phương và các phương tiện thông tin đại chúng đưa tin, bài về phòng chống sốt rét; viết bài, đưa tin, ảnh cho trang tin điện tử của Viện.

- Xây dựng, trình kế hoạch chi tiết Dự án Công nghệ thông tin Viện;

- Lập kế hoạch xây dựng Atlas Viện bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

- Phối hợp xây dựng website mới và làm mới hệ thống mạng của Viện.

- Đề xuất xây dựng, tổ chức mua sắm và phân phối vật liệu truyền thông phòng chống giun sán.

8. Các hoạt động do Dự án Quỹ toàn cầu Phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ

Năm 2015, Dự án Quỹ toàn cầu Phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ hai dự án: "Tăng cường phòng chống sốt rét dựa vào cộng đồng, tập trung vào những vùng có nguy cơ cao, nâng cao năng lực và tính bền vững của Chương trình phòng chống sốt rét Quốc gia" (TFM) triển khai tại 5 tỉnh: Lâm Đồng, Tây Ninh, Bình Phước, Cà Mau, Bạc Liêu; và Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin" (RAI) triển khai tại 5 tỉnh: Lâm Đồng, Tây Ninh, Bình Phước, Đồng Nai, Bình Dương. Tất cả các hoạt động đều triển khai đúng tiến độ, hiệu quả cao.

9. Hợp tác quốc tế

- Trong năm qua, Viện đã tiếp các Đoàn công tác của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đến thăm và làm việc tại Viện.

- Tổ chức cuộc họp giữa Viện, WHO và và Ban quản lý Dự án hợp tác y tế với WHO (PMU) về giám sát các hoạt động Dự án Hợp tác với WHO tài khóa 2014 - 2015.

- Theo dõi các hoạt động hợp tác với WHO về các đề tài nghiên cứu: MMP, IOM…; đã triển khai thực hiện một số hoạt động thuộc đề tài IOM.

-Trong năm, Viện đã tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo chuyên môn như Hội nghị loại trừ *P.f.*, Hội nghị liên ngành về tình trạng kháng thuốc, hội thảo Định hướng loại trừ *P.f* ở Việt Nam, hội thảo Đặc điểm di biến động dân liên quan đến bệnh sốt rét hướng tới chiến lược loại trừ sốt rét cho dân di biến động.

- Ngoài ra, Viện đã liên hệ và trao đổi thông tin với trường Đại học Hokkaido về vấn đề nghiên cứu ngoại ký sinh (ve, mò, mạt); thảo luận về hướng nghiên cứu tiếp theo trong những năm tới: kỹ thuật PCR và kỹ thuật giám sát chất lượng thuốc sốt rét cùng các nhà khoa học từ trường Đại học Uppsala, Thụy Điển và Hội đồng Dược điển Hoa Kỳ.

PHẦN 2

ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2016

1. Công tác phòng chống sốt rét

1.1. Mục tiêu

- Không để dịch sốt rét lớn xảy ra.

- Tiếp tục phát triển các yếu tố bền vững và xã hội hóa PCSR.

- Tiếp tục triển khai kế hoạch hoạt động thực hiện giai đoạn 2 "Chiến lược quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến 2030" đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 27/10/2010.

1.2. Giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm năm 2016

1.2.1. Tăng cường chỉ đạo tuyến và giám sát dịch tễ sốt rét tại các vùng trọng điểm

Chỉ đạo quyết liệt việc triển khai kế hoạch hoạt động thực hiện giai đoạn 2 "Chiến lược quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến 2030" đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 27/10/2010.

Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung và ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về phòng chống sốt rét; rà soát và bổ sung các chương trình, kế hoạch hoạt động phòng chống sốt rét ở tất cả các tuyến, thực hiện tốt kế hoạch phân vùng dịch tễ sốt rét, đẩy mạnh hoạt động phòng chống sốt rét kháng thuốc và xây dựng các dự án phòng chống sốt rét đối với các vùng trọng điểm, phù hợp với tình hình địa phương.

Đẩy mạnh tổ chức triển khai các biện pháp phòng chống sốt rét, giám sát tình hình sốt rét và sốt rét kháng thuốc, giám sát côn trùng, hỗ trợ và chuyển giao kỹ thuật cho các tuyến, tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác phòng chống sốt rét.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống các điểm kính hiển vi; triển khai các biện pháp phát hiện ca bệnh hiệu quả (malaria post); chú trọng kết hợp quân dân y trong phát hiện ca bệnh ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

Huy động các cơ sở y tế tư nhân tham gia vào công tác phòng chống và loại trừ sốt rét, tăng cường hoạt động kiểm soát việc bán thuốc sốt rét tại các địa phương và việc bán thuốc sốt rét của y tế tư nhân để hạn chế việc bán thuốc không đảm bảo chất lượng.

1.2.2. Giải pháp chuyên môn kỹ thuật

Phòng chống véc tơ

Chỉ định phun, tẩm hóa chất theo Phân vùng dịch tễ sốt rét 2014, bảo đảm độ bao phủ theo kế hoạch; tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng phun, tẩm trong các đợt triển khai chiến dịch phòng chống muỗi sốt rét.

Giám sát biến động véc tơ truyền sốt rét dưới tác động của biến đổi khí hậu, môi trường, xã hội, sự phục hồi của véc tơ sốt rét trong quá trình phòng chống sốt rét.

Tiếp tục nghiên cứu loại hóa chất sử dụng trong chương trình PCSR đạt hiệu quả cao, theo dõi sự nhạy kháng của *An.epiroticus* đối với hóa chất đang được sử dụng trong chương trình PCSR quốc gia hiện nay.

Lồng ghép biện pháp phòng chống muỗi truyền sốt rét với phòng chống muỗi truyền các bệnh khác như sốt xuất huyết,...

Chẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân sốt rét

Điều trị có kiểm soát tại cộng đồng, đảm bảo bệnh nhân uống đúng và đủ liều theo phác đồ Hướng dẫn của Bộ Y tế ban hành năm 2013.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác chẩn đoán và điều trị sốt rét ở các tuyến bệnh viện tỉnh, huyện, trạm y tế xã và điểm kính hiển vi ở các vùng trọng

điểm.

Tăng cường giám sát hiệu lực thuốc sốt rét, nhất là các vùng nguy cơ sốt rét kháng thuốc Artemisinin. Đảm bảo cung cấp đủ thuốc sốt rét có hiệu lực cao, thuốc phối hợp cho các tuyến, không để thiếu thuốc ở tuyến thôn bản và tuyến xã và các bệnh viện.

Phối hợp với các tuyến bệnh viện có tử vong sốt rét cao tìm nguyên nhân tử vong, đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị sốt rét và hạn chế số ca tử vong.

Phát triển và duy trì hoạt động có hiệu quả các điểm kính hiển vi tại xã, liên xã nhằm phát hiện bệnh sớm và phục vụ điều trị sớm, đúng hướng dẫn theo chủng loại ký sinh trùng tại cơ sở.

Quản lý dân di biến động, quản lý và giám sát chặt chẽ bệnh nhân sốt rét, điều tra chủ động khi mới có trường hợp bệnh ngoại lai xuất hiện. Phát hiện bệnh sớm và điều trị kịp thời cho tất cả các bệnh nhân nghi ngờ mắc sốt rét. Tăng cường giám sát và quản lý trường hợp bệnh tại bệnh viện và tại cộng đồng, giám sát hiệu quả điều trị bao gồm cả điều trị chống lây lan và điều trị chống tái phát, không để có trường hợp sốt rét mới lan truyền tại địa phương.

1.2.3. Các giải pháp về quản lý, hoạt động xã hội

- Đẩy mạnh truyền thông giáo dục sức khỏe phòng chống và loại trừ SR tới cộng đồng bằng các phương tiện thông tin thích hợp, đặc biệt truyền thông giáo dục sức khỏe trực tiếp cho đối tượng đích. Loại bỏ tư tưởng chủ quan coi nhẹ công tác phòng chống sốt rét ở vùng sốt rét đã giảm thấp.

- Củng cố mạng lưới và tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên trách phòng, chống và loại trừ bệnh sốt rét.

Tăng cường giám sát việc phân phối, bảo quản sử dụng thuốc, hóa chất và vật tư PCSR tại các tuyến; báo cáo quyết toán đúng thời gian qui định, không để thuốc, hóa chất quá hạn, kém phẩm chất hoặc thất thoát.

- Mở rộng hợp tác quốc tế tìm kiếm khả năng hợp tác mới theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa.

- Phối hợp với các tổ chức quốc tế, các đơn vị nước ngoài thực hiện các nghiên cứu khoa học về sốt rét. Xác định các vấn đề ưu tiên nghiên cứu theo hướng phát triển cả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu đánh giá phục vụ chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét.

- Triển khai đúng tiến độ và đạt hiệu quả cao các hoạt động của Dự án Quỹ toàn cầu tại 7 tỉnh của dự án (Lâm Đồng, Tây Ninh, Bình Phước, Đồng Nai, Bình Dương, Bạc Liêu, Cà Mau).

- Hướng dẫn các tỉnh trong khu vực xây dựng kế hoạch và tổ chức xét duyệt kế hoạch PCSR năm 2016 của khu vực.

2. Công tác phòng chống giun sán

- Trong năm 2016, tiếp tục thực hiện các hoạt động phòng chống giun sán do Tổ chức Y tế thế giới, các dự án và tổ chức khác hỗ trợ để tập trung giải quyết một số vùng có tỷ lệ nhiễm giun sán cao, các cộng đồng nguy cơ.

- Tiếp tục kêu gọi, xây dựng và đề xuất kế hoạch triển khai các hoạt động phòng chống giun sán dựa vào cộng đồng ở khu vực.

3. Công tác phòng chống sốt xuất huyết

- Tăng cường công tác chỉ đạo tuyến, tăng cường hoạt động giám sát và PCSXH, đẩy mạnh công tác xử lý ổ dịch SXHD, triển khai giám sát véc tơ truyền bệnh, giám sát hoạt động CTV tại các xã điểm, đánh giá độ hiệu lực diệt muỗi phun của từng loại hóa chất tại các tỉnh, thành phố trong khu vực nhằm phát hiện sớm và đề ra các biện pháp xử lý véc tơ triệt để, ngăn chặn sự bùng phát dịch kịp thời, hiệu quả.

- Tiếp tục giám sát chặt chẽ sự biến động của véc tơ và đánh giá hiệu quả công tác xử lý ổ dịch.

- Áp dụng kỹ thuật cao trong chẩn đoán bệnh và công tác nghiên cứu như xét nghiệm PCR, giải trình tự gien trên muỗi.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng giám sát véc tơ sốt xuất huyết cho cán bộ y tế tuyến tỉnh, huyện, xã. và đối tượng cộng tác viên về kỹ năng phát hiện, xử lý ổ lăng quăng và kỹ năng tuyên truyền tại cộng đồng.

- Xây dựng kế hoạch giám sát, kiểm tra đánh giá tình hình hoạt động phòng chống sốt xuất huyết tuyến cơ sở.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học xét nghiệm tìm vi rút Dengue/muỗi truyền bệnh và biện pháp phòng chống véc tơ truyền bệnh.

- Điều tra, xác định các chỉ số véc tơ thu thập bọ gậy. Hoạt động giám sát độ nhạy cảm và thử sinh học của muỗi Ae.aegypti và Ae.albopictus với hóa chất sử dụng trong chương trình.

- Tăng cường hoạt động truyền thông cộng đồng. Kiểm tra, đôn đốc các hoạt động phòng chống và xử lý dịch.

4. Công tác ngoại ký sinh

Tiếp tục thực hiện các đợt điều tra về ngoại ký sinh (thành phần, mật độ...) tại khu vực.

5. Công tác nghiên cứu khoa học

- Triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu năm 2016.

- Thu thập mẫu ký sinh trùng sốt rét tại thực địa để bổ sung vào ngân hàng ký sinh trùng sốt rét.

- Duy trì nuôi ký sinh trùng sốt rét tại labo, gây nhiễm và duy trì chủng *P.berghei* trên chuột nhắt trắng thực nghiệm phục vụ việc thử thuốc invivo động vật.

- Triển khai các lĩnh vực chuyên môn sâu như: Nghiên cứu miễn dịch huyết thanh trong công tác phân vùng dịch tễ sốt rét; nghiên cứu dược động học.

- Tiếp tục nuôi giữ chủng *Ae. aegypti, An. dirus* để phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học và thử nghiệm hóa chất, thử tồn lưu, thử nhạy cảm, kem xua, khảo nghiệm hóa chất, giảng dạy.

6. Công tác đào tạo, tập huấn

- Tổ chức thực hiện tập huấn các lớp KST sốt rét, dịch tễ sốt rét, côn trùng sốt rét, giun sán tại Viện và địa phương.

- Triển khai các hoạt động lớp đào tạo kỹ thuật viên xét nghiệm về ký sinh trùng và côn trùng sốt rét của Trường Trung cấp y tế Đặng Văn Ngữ.

7. Công tác khác

- Khảo nghiệm sinh học đánh giá hiệu lực tồn lưu, khảo nghiệm hóa chất diệt côn trùng gia dụng và phun dịch vụ cho các đơn vị, cá nhân khi có nhu cầu.

- Khám, chẩn đoán và điều trị bệnh sốt rét, giun, sán và các bệnh do ký sinh trùng khác, bệnh sốt xuất huyết và các bệnh do côn trùng truyền khác. Tư vấn cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân về các biện pháp phòng chống bệnh giun sán.

Nơi nhận:
- Cục YTDP (để b/c);
- Ban Quản lý DAQG PCSR;
- TTYTDP (TTPCSR) NB-LĐ;
- Ban Biên tập website Viện;
- Lưu: VT, các khoa, phòng, TT.

VIỆN TRƯỞNG

BỘ Y TẾ
VIỆN SỐT RÉT KÝ SINH TRÙNG CÔN TRÙNG TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Thành Đồng

Phụ lục 1. Báo cáo công tác phòng chống sốt rét 12 tháng năm 2015
Khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng

nh, Thành	Tổng số BNSR	BNSR Thường				SR AT	Tử vong			Lam xét nghiệm + que thử						Số lượt điều trị				Số cán bộ được tập huấn
		Tổng số	LS	KST (+)	KST nội địa		TS	<15t	có thai	TS lam XN + Q.thử	TS KST	% KST/ lam	P.f	P.v	PH	Tổng số	Điều trị BNSR	Cấp thuốc tự điều trị	Điều trị khác	
m Đồng	257	257	14	243	4	0	0	0	0	145.209	243	0,17	74	162	7	1.481	257	1.224	0	265
ồng Nai	139	139	77	62	27	0	0	0	0	67.663	62	0,09	21	41	0	775	135	640	0	52
nh Dương	48	46	1	45	8	2	0	0	0	51.272	47	0,09	22	24	1	207	48	153	6	857
nh Phước	1.825	1.814	26	1.788	1.272	11	1	0	0	112.346	1.799	1,60	1.000	706	93	4.602	1.825	2.738	39	127
ây Ninh	78	77	4	73	11	1	0	0	0	26.109	74	0,28	23	47	4	93	78	14	1	295
R - VT	197	197	183	14	2	0	0	0	0	16.198	14	0,09	8	6	0	59	19	40	0	882
P. HCM	28	28	0	28	0	0	0	0	0	50.889	28	0,06	14	14	0	29	28	1	0	275
ong An	7	7	3	4	0	0	0	0	0	8.660	4	0,05	1	3	0	10	7	3	0	22
iền Giang	3	3	0	3	0	0	0	0	0	17.010	3	0,02	1	2	0	352	3	349	0	764
n Giang	8	7	0	7	0	1	0	0	0	25.015	8	0,03	4	3	1	13	9	1	3	216
ến Tre	2	2	0	2	0	0	0	0	0	16.324	2	0,01	0	2	0	224	2	221	1	13
iên Giang	2	2	0	2	0	0	0	0	0	15.659	2	0,01	0	2	0	107	2	104	1	0
ồng Tháp	21	21	5	16	0	0	0	0	0	18.080	16	0,09	9	7	0	85	22	51	12	628
ĩnh Long	4	4	0	4	0	0	0	0	0	10.262	4	0,04	1	3	0	11	3	8	0	183
rà Vinh	8	7	0	7	0	1	0	0	0	9.809	8	0,08	6	2	0	306	8	298	0	0
ần Thơ	1	1	0	1	0	0	0	0	0	11.418	1	0,01	0	1	0	1	1	0	0	0
Hậu Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11.162	0	0,00	0	0	0	37	0	37	0	0
óc Trăng	23	23	14	9	8	0	0	0	0	15.900	9	0,06	2	7	0	408	21	387	0	0
Bạc Liêu	13	13	1	12	4	0	0	0	0	33.853	12	0,04	3	9	0	39	13	8	18	0
Cà Mau	32	32	29	3	1	0	0	0	0	50.785	3	0,01	3	0	0	161	32	78	51	83
ng cộng	**2.696**	**2.680**	**357**	**2.323**	**1.337**	**16**	**1**	**0**	**0**	**713.623**	**2.339**	**0,33**	**1.192**	**1.041**	**106**	**9.000**	**2.513**	**6.355**	**132**	**4.662**

Phụ lục 2. Tình hình phun và tẩm hóa chất năm 2015
Khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng

TỈNH, THÀNH	Phun hóa chất		Tẩm màn bằng hóa chất (lít)			Kết quả so với chỉ tiêu		
	Dân số bảo vệ	Lượng Fendona 10SC (lít)	Dân số bảo vệ	Lượng Fendona 10SC (lít)	TS màn tẩm (màn đôi)	Dân số bảo vệ chung	% so với kế hoạch	Chỉ tiêu KH 2015
Lâm Đồng	28.745	179	75.178	152	33.458	103.923	129,90	80.000
Đồng Nai	-	-	73.605	165,35	38.984	73.605	147,21	50.000
Bình Dương	-	-	4.895	37	2.519	4.895	97,90	5.000
Bình Phước	10.619	71,142	107.006	172,75	41.131	117.625	113,65	103.500
Tây Ninh	-	-	13.963	16,5	7.403	13.963	110,82	12.600
Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	63.000	175	40.166	63.000	315,00	20.000
TP. Hồ Chí Minh	-	-	25.106	75	15.470	25.106	251,06	10.000
Long An	-	-	-	-	-	-	-	-
Tiền Giang	-	-	-	-	-	-	-	-
An Giang	-	-	-	-	-	-	-	-
Bến Tre	-	-	-	-	-	-	-	-
Kiên Giang	2.946	16,00	26.841	73,00	13.317	29.787	114,57	26.000
Đồng Tháp	-	-	-	-	-	-	-	-
Vĩnh Long	-	-	-	-	-	-	-	-
Trà Vinh	-	-	-	-	-	-	-	-
Cần Thơ	-	-	-	-	-	-	-	-
Hậu Giang	-	-	-	-	-	-	-	-
Sóc Trăng	-	-	37.926	125	18.998	37.926	126,42	30.000
Bạc Liêu	-	-	30.000	118	15.000	30.000	100,00	30.000
Cà Mau	-	-	132.613		66.306	132.613	159,77	83.000
Tổng cộng	**42.310**	**266,14**	**590.133**	**1.109,64**	**292.752**	**632.443**	**140,51**	***450.100***

Phụ lục 3. Tình hình sốt rét 12 tháng năm 2015 và 12 tháng năm 2014
Khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng

TỈNH, THÀNH	12 Tháng /2015								12 Tháng/2014							
	TS bệnh nhân	Ác tính	Tử vong	TS liều điều trị	TS lam XN	TS KST	% KST/lam	Dịch SR	TS bệnh nhân	Ác tính	Tử vong	TS liều điều trị	TS lam XN	TS KST	% KST/lam	Dịch SR
Lâm Đồng	257	0	0	1.481	145.209	243	0,17	Không	479	3	0	2.873	136.317	465	0,34	Không
Đồng Nai	139	0	0	775	67.663	62	0,09	-	188	1	1	661	76.755	127	0,17	-
Bình Dương	48	2	0	207	51.272	47	0,09	-	83	6	0	312	66.076	79	0,12	-
Bình Phước	1.825	11	1	4.602	112.346	1799	1,60	-	1.586	13	1	5.124	116.768	1521	1,30	-
Tây Ninh	78	1	0	93	26.109	74	0,28	-	98	4	0	303	27.300	90	0,33	-
BR - VT	197	0	0	59	16.198	14	0,09	-	237	0	0	439	13.266	13	0,10	-
TP. HCM	28	0	0	29	50.889	28	0,06	-	57	0	0	80	54.907	57	0,10	-
Long An	7	0	0	10	8.660	4	0,05	-	10	0	0	21	10.933	6	0,05	-
Tiền Giang	3	0	0	352	17.010	3	0,02	-	10	0	0	282	23.018	10	0,04	-
An Giang	8	1	0	13	25.015	8	0,03	-	17	0	1	17	29.286	16	0,05	-
Bến Tre	2	0	0	224	16.324	2	0,01	-	3	0	0	246	25.473	3	0,01	-
Kiên Giang	2	0	0	107	15.659	2	0,01	-	11	0	0	255	15.766	11	0,07	-
Đồng Tháp	21	0	0	85	18.080	16	0,09	-	29	1	0	115	18.333	18	0,10	-
Vĩnh Long	4	0	0	11	10.262	4	0,04	-	5	0	0	37	10.416	5	0,05	-
Trà Vinh	8	1	0	306	9.809	8	0,08	-	8	0	0	518	13.565	7	0,05	-
Cần Thơ	1	0	0	1	11.418	1	0,01	-	3	0	0	3	14.609	3	0,02	-
Hậu Giang	0	0	0	37	11.162	0	0,00	-	1	1	0	150	10.028	1	0,01	-
Sóc Trăng	23	0	0	408	15.900	9	0,06	-	27	0	0	357	16.151	14	0,09	-
Bạc Liêu	13	0	0	39	33.853	12	0,04	-	26	0	0	68	38.896	16	0,04	-
Cà Mau	32	0	0	161	50.785	3	0,01	-	69	0	0	188	55.324	16	0,03	-
Tổng cộng	**2.696**	**16**	**1**	**9.000**	**713.623**	**2.339**	**0,33**	**-**	**2.947**	**29**	**3**	**12.049**	**773.187**	**2.478**	**0,32**	**-**

Phụ lục 4. So sánh tình hình sốt rét 12 tháng năm 2015 so với 12 tháng năm 2014
Khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng

TT	CHI TIẾT	12 THÁNG/2015	12 THÁNG/2014	So sánh	
				% Tăng	% Giảm
1	Tổng số lam xét nghiệm	713.623	773.187		7,70
2	Tổng số KST (+)	2.339	2.478		5,61
3	Tỷ lệ % KST (+)/ lam XN	0,33	0,32	3,13	
4	Tổng số *P. falciparum*	1.192	1.149	3,74	
5	Tỷ lệ % *P. falciparum* /KST (+)	50,96	46,37	9,90	
6	Tổng số bệnh nhân sốt rét	2.696	2.947		8,52
7	BNSR/1000 dân	0,08	0,085		7,11
8	Tổng số bệnh nhân SRAT	16	29		44,83
9	Tỷ lệ % SRAT/BNSR	0,593	0,47	26,54	
10	Tổng số tử vong do SR	1	3		2 ca
11	Tỷ lệ % tử vong / SRAT	6,25	6,8		8,09
12	Tỷ lệ tử vong / 100.000 dân	0,0019	0,0058		67,24
13	Dịch sốt rét	không	không		
14	Tổng số lượt người điều trị	9.000	12.049		25,31
15	Tổng số lượt người bảo vệ	617.443	366.594	68,43	
16	Huấn luyện chuyên khoa sốt rét	4.662	5.468		14,74